

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/KDTM-ST
Ngày: 06-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng gia công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp
2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2019/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thiên Kim N; địa chỉ: Tỉnh lộ B, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S; địa chỉ: Đường I, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn Tuấn H; địa chỉ: Xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Bùi Thiên Kim N trình bày:

Ngày 02/01/2016 Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T do ông N làm chủ hộ (sau đây viết tắt là Hộ kinh doanh T) và Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S (sau đây viết tắt là Công ty Nông nghiệp S) có ký với nhau hợp đồng gia công hàng hóa. Theo đó, Hộ kinh doanh T cung cấp mặt hàng Gừng Lát – Gừng Huế theo yêu cầu của Công ty Nông nghiệp S. Thực hiện hợp đồng tính đến ngày 04/02/2016 Hộ kinh

doanh T đã giao cho Công ty Nông nghiệp S 3.845 kg Gừng Lát với đơn giá 62.000 đồng/kg thành tiền là 238.390.000 đồng và 1.650 kg Gừng Lát với đơn giá là 63.000 đồng thành tiền là 103.950.000 đồng. Tổng cộng Hộ kinh doanh T đã giao cho Công ty Nông nghiệp S 5.495 kg Gừng Lát trị giá 342.340.000 đồng. Theo hợp đồng, thời hạn thanh toán là vào ngày 15 của tháng tiếp theo sẽ thanh toán đủ cho đơn hàng của tháng trước đó. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng thì Công ty Nông nghiệp S đã không thanh toán tiền hàng như đã thỏa thuận. Sau nhiều lần yêu cầu thì đến ngày 06/11/2016, ông Đặng Văn Tuấn H, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Nông nghiệp S cũng đã xác nhận tổng số Gừng Lát đã nhận của Hộ kinh doanh T như đã nêu trên. Nhưng từ đó đến nay Công ty Nông nghiệp S vẫn chưa thanh toán tiền cho Hộ kinh doanh T. Do đó, Hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu Công ty Nông nghiệp S thanh toán tiền gia công là 342.340.000 đồng và bồi thường do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính theo mức lãi suất N hàng tại thời điểm xảy ra vi phạm từ ngày 15/3/2016 đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 15/4/2019 là 37 tháng với số tiền là 68.210.209 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng gia công; đây là tranh chấp về hợp đồng gia công phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp nên căn cứ các Điều 30, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào phiếu nhận hàng thì thời điểm cuối cùng Công ty Nông nghiệp S nhận hàng từ Hộ kinh doanh T là ngày 04/02/2016. Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng gia công hàng hóa thì vào ngày 15 của tháng tiếp theo, Công ty Nông nghiệp S có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ đơn hàng đã giao trước đó. Đến ngày 15/3/2016 Công ty Nông nghiệp S vẫn không thanh toán tiền hàng nên kể từ ngày 16/3/2016 được xác định là ngày Công ty Nông nghiệp S vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 319 của Luật Thương mại 2005 thì thời hiệu áp dụng đối với các tranh thương mại là 2 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Như vậy,

tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T bị xâm phạm (ngày 16/3/2016) đến ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 17/4/2019) là đã hết thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, phía nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Về phía bị đơn cũng không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ Hợp đồng gia công hàng hóa số 001/2016/SAG-HĐGC ngày 02/01/2016 giữa Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S và Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình về quá trình giao nhận hàng giữa hai bên cũng như xác nhận từ phía người đại diện theo pháp luật của bị đơn về khối lượng hàng hóa đã nhận tại văn bản ngày 06/11/2016, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập thỏa thuận gia công mặt hàng Gừng Lát và nguyên đơn đã thực hiện gia công và cung cấp cho bị đơn với khối lượng là 5.495 kg Gừng Lát, trị giá là 342.340.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày.

Phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền gia công hàng hóa là 342.340.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu bồi thường do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ mục 2.3 Điều 2 của hợp đồng quy định về phương thức thanh toán là thanh toán 100% các đơn hàng của tháng trước vào ngày 15 của tháng tiếp theo và căn cứ vào phiếu giao hàng sau cùng là ngày 04/02/2016 thì thời điểm xác định Công ty Nông nghiệp S vi phạm nghĩa vụ thanh toán là từ ngày 16/3/2019. Tính đến thời điểm Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T nộp đơn khởi kiện ngày 17/4/2019 là 37 tháng 1 ngày. Căn cứ mục 8.4 Điều 8 của hợp đồng quy định về vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải bồi thường theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi ngân hàng tại thời điểm xảy ra vi phạm. Do đó, Hộ kinh doanh T yêu cầu Công ty Nông nghiệp S bồi thường số tiền do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 342.340.000 đồng x 37 tháng x 6.5%/năm là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tại thời điểm vi phạm, với số tiền là 68.210.209 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Xét Công ty Nông nghiệp S vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong một thời gian dài đã gây thiệt hại cho Hộ kinh doanh T. Do đó, Hội đồng xét thấy cần phải buộc Công ty Nông

ng nghiệp S thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ tiền gốc và lãi với tổng số tiền là 408.552.209 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Nông nghiệp S phải chịu tiền án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với Hộ kinh doanh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 547, 549, 552 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S phải thanh toán cho Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T số tiền là 408.552.209đ (Bốn trăm lẻ tám triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.342.100đ (Hai mươi triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T số tiền 11.927.860đ (Mười một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000629 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Hộ kinh doanh Gừng lát – Gừng Huế T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Hà